

Số: 04/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông báo Kết luận 21/TB-UBND ngày 11/02/2025 tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 02 năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 122/STC- TTr ngày 09/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2025 và thay thế Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Những quy định quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá chưa được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Báo BN, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về việc phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.
2. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, phân công nhiệm vụ đối với từng cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý và đối với cơ quan hành chính cấp dưới.
3. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực quản lý.

6. Tham mưu định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực quản lý; cập nhật thông tin về giá kê khai vào cơ sở dữ liệu về giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá để gửi Bộ Tài chính trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực phạm vi quản lý.

9. Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

10. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính Phủ; tổ chức quản trị, điều hành hoạt động và thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực quản lý.

11. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính Phủ trên cơ sở đề xuất của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

12. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ theo chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực quản lý.

13. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

14. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thanh tra.

15. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

16. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc chức năng ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

17. Phối hợp với Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, thị xã tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền bình ổn giá, định giá của UBND tỉnh theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

18. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

3. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

4. Tham mưu định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý; cập nhật thông tin về giá kê khai vào cơ sở dữ liệu về giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

7. Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

8. Cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động cụ thể của Cơ sở dữ liệu về giá.

9. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

10. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

11. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

12. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc chức năng ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

14. Phối hợp với Sở, ngành, UBND huyện, thành phố, thị xã tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền bình ổn giá, định giá của UBND tỉnh theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

15. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Có thẩm quyền quyết định, phân công nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ngành, lĩnh vực tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá theo quy định.

3. Ban hành theo thẩm quyền, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

4. Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá trên địa bàn theo phạm vi quản lý tại địa phương.

5. Tổ chức thẩm định phương án giá đối với các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

6. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; cập nhật thông tin về giá kê khai vào cơ sở dữ liệu về giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

8. Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường; phối hợp với Sở, ngành trong việc tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

9. Cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động cụ thể của Cơ sở dữ liệu về giá.

10. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

11. Phối hợp với các sở, ngành trong việc tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

12. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

13. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

14. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá, thẩm định giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

15. Tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền bình ổn giá, định giá của UBND tỉnh trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

16. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 6. Phân công thực hiện bình ổn giá

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện việc bình ổn giá theo chủ trương của Chính phủ; hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực và quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;

2. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành: Giao Sở Tài chính chủ trì trên cơ sở đề xuất của các sở quản lý ngành, lĩnh vực có hàng hóa, dịch vụ cần thực hiện bình ổn giá.

3. Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả về Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật để bình ổn giá.

4. Ngân hàng Nhà nước tỉnh phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện đối với biện pháp tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức, triển khai và phối hợp với các sở, ngành thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại Điều 17 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và Điều 4 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

Điều 7. Phân công thực hiện nhiệm vụ đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh

1. Ban hành quy định về Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được giao.

2. Về định giá đối với hàng hóa, dịch vụ

a) Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thẩm định phương án giá, xin ý kiến tham gia của Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh tại khoản 1 Điều này và trình văn bản định giá với Ủy ban nhân dân tỉnh về định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thẩm định phương án giá, trình văn bản định giá và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ được giao nhiệm vụ tại Phụ lục 1 kèm theo quy định này.

Điều 8. Phân công thực hiện nhiệm vụ đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện quyền và trách nhiệm tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Chính phủ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 của Luật Giá số 16/2023/QH15 thì Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ gửi Sở Tài chính tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính.

3. Việc ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (*sau đây gọi là Danh sách kê khai giá*)

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể trên cơ sở đề xuất về Danh sách kê khai giá hoặc đề xuất điều chỉnh Danh sách kê khai giá của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá tổng hợp trước ngày 15 tháng 02 hàng năm hoặc ban hành Điều chỉnh danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh khi có phát sinh yêu cầu;

b) Cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận và theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, rà soát lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá số 16/2023/QH15.

Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền hoặc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được quy định tại các Điều 6, 7 và 8 Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 3

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 10. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

a) Sở Tài chính;

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 11, Điều 12 Quy định này;

c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.

3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Giá; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (Thông tư 29/2024/TT-BTC).

Điều 11. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ của địa phương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ, Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm

hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

b) Sờ Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

c) Sờ Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

d) Sờ Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

đ) Sờ Giao thông Vận tải: 10 Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

e) Sờ Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

g) Cục Thống kê tỉnh: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

h) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

i) UBND các huyện, thành phố: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC.

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC. b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC;

b) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 11 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Điều 12. Báo cáo giá thị trường đột xuất

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư 29/2024/TT-BTC; tham mưu UBND tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu.

2. Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu UBND tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Mục 4

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 13. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá.

Điều 14. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan: Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thực hiện vận hành, cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 15. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Mục 5

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 16. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được quy định tại Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 6, 7 và 8 quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 6, 7 và 8 quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 quy định này:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân cấp cho Sở Tài chính ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 quy định này: Phân cấp cho Sở Tài chính, các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

3. Việc xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 2; Quyết định kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 19. Sửa đổi bổ sung Quy định này

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
THUỘC THẨM QUYỀN ĐỊNH GIÁ CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo Quy định phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
I	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT
II	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
III	Định giá cụ thể		
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ		
1	Nước sạch		
1.1	Nước sạch đô thị (Đơn vị cấp nước đô thị)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
1.2	Nước sạch nông thôn (Đơn vị cấp nước nông thôn)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
1.3	Nước sạch xen kẽ (Đơn vị cấp nước cả đô thị và nông thôn)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng (là cơ quan thường trực Ban cấp nước an toàn tỉnh) chủ trì phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
B	Định giá cụ thể		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	
2.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh
2.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện		Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Dịch vụ nghỉ trang, dịch vụ hòa táng của cơ sở hòa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	
7.1	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở Giao thông Vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
7.2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện		Ủy ban nhân dân cấp huyện
8	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	
9.1	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở Công Thương
9.2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện		Ủy ban nhân dân cấp huyện
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh



PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ LIÊN QUAN
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quy định phân công, phân cấp nhiệm vụ QLNN về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế- kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC		
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phần		Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LGP)		Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Ban Quản lý An toàn thực phẩm
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm, phân DAP, phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vaxcxin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của mình
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý		Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Giao thông Vận tải
5	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế- kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
6	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ)		Sở, ngành theo lĩnh vực
7	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô		Sở Giao thông Vận tải
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)		Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng		
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn NSNN (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Công Thương
5	Than		Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá		Sở Giao thông Vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Giao thông Vận tải
13	Dịch vụ vận chuyển hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông Vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi		Ban Quản lý An toàn thực phẩm
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế- kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
18	Dịch vụ viễn thông		Sở Thông tin và Truyền thông
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do nhà nước định giá	Sở Công Thương	Sở Công Thương